

# THANH HOA CULTURAL HERITAGE IN THE DIGITAL ERA: PRESERVATION AND PROMOTION OF VALUES FOR TOURISM DEVELOPMENT

**Vu Van Tuyen**

Thanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism

Email: [vuvantuyen@dvtdt.edu.vn](mailto:vuvantuyen@dvtdt.edu.vn)

Received: 12/03/2026

Reviewed: 14/03/2026

Revised: 19/03/2026

Accepted: 08/04/2026

Released: 15/04/2026

*Cultural heritage is essential for shaping local identity and serves as a key resource for sustainable tourism. Thanh Hoa, rich in history, has diverse tangible and intangible heritage closely tied to its development. In today's digital era, preservation alone is not enough; heritage must be identified, documented, digitized, interpreted, and integrated into tourism. This study analyzed Thanh Hoa's heritage in the context of digitalization and tourism, examining achievements, challenges, and causes. Using an interdisciplinary approach, it proposes solutions to improve heritage databases, enhance digital interpretation, develop digital cultural tourism products, and strengthen collaboration. Effective digital transformation requires balancing authenticity, data management, and transforming cultural values into meaningful tourism experiences.*

**Keywords:** Cultural heritage; Digital transformation; Heritage preservation; Value promotion; Cultural tourism.

---

## **1. Giới thiệu**

Di sản văn hóa luôn giữ vị trí đặc biệt trong chiến lược phát triển của mỗi địa phương vì vừa là kết tinh của ký ức lịch sử và bản sắc cộng đồng, vừa là nguồn lực có khả năng chuyển hóa thành sức mạnh mềm và giá trị kinh tế văn hóa [12]. Kỷ nguyên số đang làm thay đổi sâu sắc phương thức lưu giữ, quản trị và phổ biến các giá trị di sản, từ mô hình bảo tồn tĩnh chuyển dần sang mô hình bảo tồn động trên nền tảng dữ liệu, tương tác số và kết nối đa phương tiện [6]. Nhu cầu này càng trở nên cấp thiết khi du khách ngày càng ưu tiên những trải nghiệm có chiều sâu tri thức, có tính tương tác cao và có thể tiếp cận trước, trong và sau chuyến đi thông qua các nền tảng số [4].

Thanh Hóa là một trong những địa phương có hệ thống di sản văn hóa tiêu biểu của cả nước, hội tụ cả di sản vật thể, di sản phi vật thể, lễ hội, trò diễn dân gian, làng nghề, phong tục và các không gian văn hóa cộng đồng đặc sắc [9]. Quy mô tài nguyên này tạo tiền đề thuận lợi để phát triển du lịch văn hóa, du lịch lịch sử, du lịch cộng đồng và du lịch trải nghiệm [15]. Tuy nhiên, lợi thế tài nguyên chỉ có thể chuyển hóa thành năng lực cạnh tranh khi địa phương hình thành được mô hình quản trị di sản phù hợp với môi trường số, kết nối hiệu quả giữa bảo vệ, phát huy và khai thác du lịch.

Nghiên cứu này hướng tới mục tiêu phân tích thực trạng di sản văn hóa Thanh Hóa trong kỷ nguyên số, đánh giá mức độ sẵn sàng của hệ thống quản lý và khả năng liên kết di sản với phát triển du lịch, từ đó đề xuất các giải pháp có tính khả thi đối với địa phương.

## **2. Tổng quan nghiên cứu vấn đề**

Nghiên cứu quốc tế những năm gần đây cho thấy số hóa di sản không chỉ là hoạt động chuyển đổi tư liệu từ dạng vật lý sang dạng số, mà là quá trình tái cấu trúc toàn bộ chuỗi giá trị của di sản, từ kiểm kê, lưu trữ, bảo tồn, diễn giải đến truyền thông và khai thác sử dụng [5]. Tổng quan hệ thống của Mendoza, De La Hoz Franco và Gómez cho thấy công nghệ số đang được sử dụng rộng rãi trong đo vẽ, mô hình hóa, lưu trữ, quản lý và phổ biến di sản, qua đó mở rộng đáng kể khả năng tiếp cận của công chúng [6].

Nhóm nghiên cứu về diễn giải số tại điểm đến di sản nhấn mạnh vai trò của công nghệ trong việc nâng cao trải nghiệm của khách tham quan. Liu chỉ ra rằng công nghệ diễn giải số có ảnh hưởng rõ rệt đến mức độ hài lòng, cảm nhận giá trị và chất lượng trải nghiệm tại các điểm di sản [4]. Tom Dieck và Jung cho rằng thực tế tăng cường chỉ phát huy hiệu quả khi nó phục vụ nội dung di sản và tạo thêm giá trị cho các bên liên quan, thay vì chỉ tạo hiệu ứng công nghệ bề nổi [11].

Nhóm nghiên cứu về thực tế ảo và thực tế tăng cường tiếp tục khẳng định tiềm năng của công nghệ nhập vai đối với du lịch di sản. Pinto và Huertas cho thấy các ứng dụng thực tế ảo và thực tế tăng cường có thể làm gia tăng cảm xúc, mức độ tham gia và chất lượng ký ức trải nghiệm của du khách tại điểm đến [7]. Shafiee Roodposhti và Esmaeelbeigi cũng cho thấy khách du lịch đánh giá cao những ứng dụng số giúp họ hình dung bối cảnh lịch sử, tăng tương tác và làm giàu trải nghiệm cá nhân tại di sản [8].

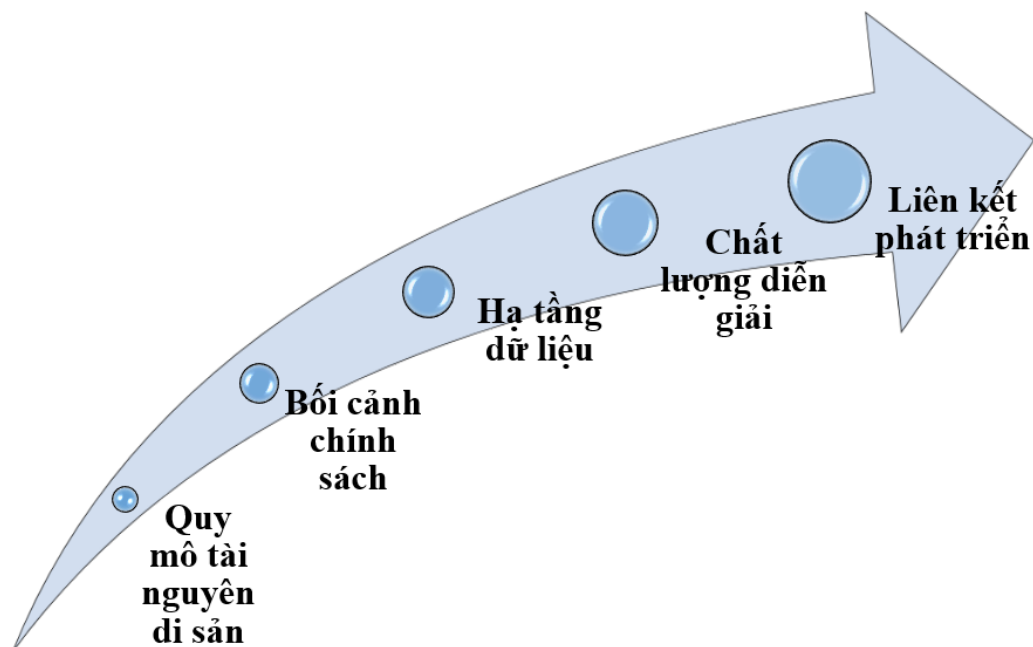
Trong nước, Chương trình số hóa Di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021 đến 2030 đã tạo ra khuôn khổ quan trọng cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu, chuẩn hóa thông tin và ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực di sản [10]. Kế hoạch chuyển đổi số của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2024 tiếp tục cụ thể hóa yêu cầu đó theo hướng tăng cường nền tảng dữ liệu và quản trị số [1]. Thanh Hóa đã ban hành chương trình hành động thực hiện chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và đồng thời xác lập vai trò của văn hóa, du lịch trong quy hoạch phát triển của tỉnh [14]. Khoảng trống nghiên cứu hiện nay nằm ở chỗ còn thiếu những phân tích chuyên sâu gắn trực tiếp giữa số hóa di sản, năng lực quản trị địa phương và phát triển du lịch ở từng tỉnh, đặc biệt đối với Thanh Hóa.

## **3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu**

Nghiên cứu sử dụng cách tiếp cận liên ngành, kết hợp giữa văn hóa học, quản lý văn hóa, nghiên cứu di sản và du lịch học để xem xét di sản văn hóa Thanh Hóa như một đối tượng vừa cần được bảo vệ, vừa có khả năng phát huy giá trị trong phát triển du lịch [5]. Chuyển đổi số được đặt trong quan hệ hữu cơ với bảo tồn tính xác thực, với quyền chủ thể văn hóa của cộng đồng và với mục tiêu nâng cao chất lượng trải nghiệm du lịch [2].

Phương pháp chủ đạo của nghiên cứu là phân tích tài liệu, tổng hợp, so sánh và diễn giải định tính trên cơ sở các văn bản chính sách, tài liệu thống kê chính thức, tài liệu địa chí, bài viết khoa học quốc tế và tài liệu chuyên ngành liên quan đến di sản, chuyển đổi số và du lịch. Hệ thống tư liệu được chia thành 04 nhóm chính gồm khung thể chế, nền tảng tài nguyên di sản, số liệu kinh tế và du lịch, và kinh nghiệm quốc tế về ứng dụng công nghệ số trong bảo vệ và phát huy di sản.

Khung phân tích của nghiên cứu gồm 05 hợp phần: quy mô tài nguyên di sản, bối cảnh chính sách, hạ tầng dữ liệu, chất lượng diễn giải và khả năng liên kết với phát triển du lịch. Cấu trúc này cho phép nhận diện đồng thời điểm mạnh, điểm nghẽn và khoảng trống thực thi trong bối cảnh Thanh Hóa đang đẩy mạnh chuyển đổi số ở nhiều lĩnh vực.



Hình 1. Khung phân tích của nghiên cứu

[Nguồn: Tác giả đề xuất]

#### 4. Kết quả nghiên cứu

##### 4.1. Thực trạng

Thanh Hóa có nền tảng di sản văn hóa đậm đặc và đa dạng, phản ánh chiều sâu lịch sử lâu dài của một vùng đất giữ vị trí quan trọng trong tiến trình dựng nước và giữ nước [12]. Hệ thống di tích và di sản phi vật thể của tỉnh không chỉ có giá trị về lịch sử, khảo cổ, kiến trúc, tín ngưỡng và nghệ thuật dân gian, mà còn đang tồn tại trong nhiều không gian sống của cộng đồng, từ vùng đồng bằng ven biển đến miền núi, trung du và đô thị [13]. Dữ liệu hiện có cho thấy quy mô tài nguyên di sản của Thanh Hóa đủ lớn để hình thành nhiều chuỗi sản phẩm du lịch văn hóa có khả năng phân tầng theo đối tượng khách và theo vùng không gian [9].

Bảng 1. Quy mô một số loại hình di sản văn hóa tiêu biểu của Thanh Hóa

Chỉ tiêu	Số lượng
Tổng số di tích lịch sử và danh thắng	Hơn 1.530
Di tích đã được xếp hạng	Gần 1.000
Di sản văn hóa thế giới	1
Di tích quốc gia đặc biệt	5
Di tích quốc gia	142
Di tích cấp tỉnh	697

Nguồn: Tổng hợp từ [9].

Bảng 1 cho thấy Thanh Hóa có mật độ di sản cao và cơ cấu di sản tương đối đầy đủ, từ di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt đến di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia [9]. Cấu trúc này tạo điều kiện để địa phương không chỉ phát triển du lịch tham quan di tích, mà còn xây dựng các tuyến du lịch kể chuyện lịch sử, du lịch lễ hội, du lịch học tập và du lịch cộng đồng [15]. Giá trị nổi bật của Thanh Hóa nằm ở chỗ nhiều di sản vẫn đang hiện diện trong đời sống xã hội, tạo tiền đề cho mô hình bảo tồn gắn với thực hành văn hóa sống chứ không chỉ gắn với bảo quản hiện vật [2].

Bức tranh kinh tế và dịch vụ năm 2024 cho thấy Thanh Hóa có nền tảng tăng trưởng khá mạnh, qua đó tạo dư địa cho đầu tư vào lĩnh vực văn hóa và du lịch [3]. Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh năm 2024 tăng 12,16 % so với năm 2023, trong đó khu vực dịch vụ chiếm 30,63 % cơ cấu kinh tế và tổng sản phẩm bình quân đầu người đạt 84,8 triệu đồng [3]. Dữ liệu dịch vụ tiêu dùng, lưu trú, ăn uống, lễ hành và vận tải cho thấy hệ sinh thái hỗ trợ du lịch đang tiếp tục mở rộng, tạo điều kiện để di sản văn hóa được tích hợp sâu hơn vào chuỗi giá trị du lịch [3].

*Bảng 2. Một số chỉ tiêu kinh tế và dịch vụ có liên quan đến phát huy di sản phục vụ du lịch của Thanh Hóa*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Giá trị</b>
Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh	12,16%
Tỷ trọng khu vực dịch vụ trong cơ cấu kinh tế	30,63%
Tổng sản phẩm bình quân đầu người	84,8 triệu đồng
Doanh thu bán lẻ hàng hóa	152.526 tỷ đồng
Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống	22.204 tỷ đồng
Doanh thu dịch vụ lưu trú	4.667 tỷ đồng
Doanh thu dịch vụ ăn uống	17.537 tỷ đồng
Doanh thu du lịch lễ hành	283 tỷ đồng
Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải	20.485 tỷ đồng
Hành khách vận chuyên	25,9 triệu người

*Nguồn: Tổng hợp từ [3]*

Dữ liệu trong Bảng 2 cho thấy khu vực dịch vụ của Thanh Hóa năm 2024 có sự phục hồi và tăng trưởng tương đối tích cực, tạo nền kinh tế đỡ cho phát triển du lịch văn hóa [3]. Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống đạt 22.204 tỷ đồng phản ánh quy mô thị trường dịch vụ hỗ trợ du lịch đã lớn hơn đáng kể so với giai đoạn trước [3]. Doanh thu du lịch lễ hành đạt 283 tỷ đồng cho thấy hoạt động tổ chức tour, kết nối tuyến điểm và khai thác hành trình vẫn còn dư địa để tăng trưởng nếu di sản văn hóa được đầu tư tốt hơn về nội dung, diễn giải và truyền thông số [3].

Bối cảnh thể chế của Thanh Hóa trong lĩnh vực số hóa di sản và phát triển du lịch được định hình bởi hệ thống chính sách từ trung ương đến địa phương [10]. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình số hóa Di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021 đến 2030 đã xác lập định hướng nền tảng cho toàn ngành [10]. Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về chương trình hành động thực hiện chuyển đổi số và kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh đã tạo khuôn khổ triển khai ở cấp địa phương [14]. Kế hoạch chuyển đổi số của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2024 tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu đẩy mạnh cơ sở dữ liệu và ứng dụng số trong toàn ngành [1].

Bảng 3. Một số mốc chính sách có liên quan trực tiếp đến số hóa di sản văn hóa và phát triển du lịch tại Thanh Hóa

Văn bản	Thời gian/ Giai đoạn	Nội dung trọng tâm	Ý nghĩa đối với Thanh Hóa
Quyết định số 2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	2021-2030	Phê duyệt Chương trình số hóa Di sản văn hóa Việt Nam	Tạo khung chính sách quốc gia cho xây dựng dữ liệu di sản và ứng dụng công nghệ số
Quyết định số 176/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa	Đến 2025, định hướng 2030	Chương trình hành động thực hiện chuyển đổi số của tỉnh	Tạo nền tảng tổ chức thực hiện chuyển đổi số ở cấp địa phương
Quyết định số 3928/QĐ-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Năm 2024	Kế hoạch chuyển đổi số của ngành văn hóa, thể thao và du lịch	Cụ thể hóa nhiệm vụ số hóa trong toàn ngành
Nghị định số 39/2024/NĐ-CP của Chính phủ	Từ năm 2024	Quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể	Tăng cơ sở pháp lý cho bảo vệ và khai thác di sản phi vật thể
Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa	2021-2030, tầm nhìn 2045	Định hướng phát triển văn hóa, du lịch trong tổng thể phát triển tỉnh	Gắn di sản văn hóa với chiến lược phát triển không gian và du lịch của địa phương

Nguồn: Tổng hợp từ [1], [2], [10], [14], [15].

Bảng 3 cho thấy môi trường thể chế cho số hóa di sản ở Thanh Hóa đã được hình thành tương đối rõ ràng ở cả cấp quốc gia và cấp tỉnh [14]. Vấn đề của Thanh Hóa hiện nay không còn là thiếu định hướng chính sách, mà là khoảng cách giữa khung chính sách với năng lực hiện thực hóa bằng dữ liệu, hạ tầng, nhân lực và sản phẩm cụ thể [1]. Mối liên hệ giữa số hóa di sản và phát triển du lịch vì vậy vẫn đang ở giai đoạn chuyển từ nhận thức chính sách sang tổ chức thực hiện [15].

Thực tiễn quản lý hiện nay cho thấy hoạt động bảo tồn của Thanh Hóa đã có chuyển biến tích cực, nhưng số hóa vẫn chủ yếu mới dừng ở bước nền như kiểm kê, tư liệu hóa và truyền thông giới thiệu [9]. Hệ thống dữ liệu di sản chưa được thể hiện như một cơ sở dữ liệu tích hợp dùng chung giữa văn hóa, du lịch và các cấp chính quyền [14]. Chất lượng diễn giải số tại nhiều điểm di sản chưa tương xứng với chiều sâu giá trị lịch sử và văn hóa của tài nguyên hiện có [4]. Năng lực chuyển hóa tư liệu di sản thành trải nghiệm số cho du khách vẫn còn hạn chế nếu so với xu thế mà các nghiên cứu quốc tế đang chỉ ra [7].

#### 4.2. Đánh giá chung

Thanh Hóa có lợi thế nổi bật về quy mô, tính đa dạng và chiều sâu lịch sử của hệ thống di sản văn hóa [12]. Hệ thống di tích, lễ hội, nghệ thuật dân gian, tập quán và không gian văn hóa cộng đồng đã tạo cho địa phương một nền tảng phong phú để phát triển các sản phẩm du lịch có bản sắc [9]. Khả năng kết nối di sản với kinh tế dịch vụ và với định hướng phát triển

du lịch của tỉnh là khá rõ nếu xét trong tương quan với quy hoạch phát triển giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 [15].

Bối cảnh chính sách hiện nay cũng là một lợi thế đáng kể của Thanh Hóa [10]. Hệ thống văn bản từ trung ương đến địa phương đã bước đầu đặt di sản vào quỹ đạo chuyển đổi số, từ đó mở ra điều kiện cho số hóa dữ liệu, đổi mới quản trị và phát triển trải nghiệm du lịch thông minh [1]. Cơ sở pháp lý cho di sản phi vật thể cũng đã được tăng cường, qua đó tạo điều kiện cho việc kết hợp giữa bảo vệ chủ thể văn hóa với phát huy giá trị trong đời sống hiện đại [2].

Mặt hạn chế nổi bật nằm ở chỗ số hóa di sản ở Thanh Hóa chưa hình thành một hệ sinh thái tích hợp [14]. Dữ liệu còn phân tán theo cơ quan quản lý, theo điểm di sản hoặc theo từng chương trình riêng lẻ, khiến việc liên thông thông tin và thiết kế sản phẩm du lịch dựa trên dữ liệu còn gặp khó khăn [14]. Nội dung diễn giải di sản trên nền tảng số vẫn thiên về cung cấp thông tin cơ bản, chưa tạo được các lớp nội dung khác nhau cho học sinh, khách đại chúng, khách nghiên cứu và khách quốc tế [4].

Hạn chế thứ hai là năng lực chuyên hóa tài nguyên di sản thành sản phẩm du lịch số còn chưa tương xứng với tiềm năng [3]. Doanh thu du lịch lữ hành vẫn ở quy mô thấp hơn nhiều so với tổng doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống và bán lẻ, điều đó cho thấy giá trị gia tăng từ khâu tổ chức hành trình và kể chuyện điểm đến chưa thực sự mạnh [3]. Khoảng cách giữa tài nguyên di sản rất lớn với khả năng thương mại hóa có chọn lọc và bền vững vẫn là bài toán đáng chú ý của địa phương [15].

### **4.3. Một số giải pháp**

**Thứ nhất,** Xây dựng cơ sở dữ liệu di sản văn hóa Thanh Hóa theo hướng chuẩn hóa, liên thông và cập nhật thường xuyên là giải pháp có ý nghĩa nền tảng trong tiến trình bảo vệ và phát huy giá trị di sản trong kỷ nguyên số. Hệ thống này cần bao quát đầy đủ cả di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể, đồng thời tích hợp đồng bộ hồ sơ khoa học, hình ảnh, tư liệu âm thanh, thông tin về không gian phân bố, hiện trạng bảo tồn và khả năng khai thác phục vụ phát triển du lịch. Một cơ sở dữ liệu được tổ chức bài bản sẽ không chỉ phục vụ yêu cầu lưu trữ, mà còn tạo lập nền tảng cho quản lý, nghiên cứu, quảng bá và kết nối di sản với các hoạt động phát triển văn hóa, giáo dục và du lịch.

**Thứ hai,** Lựa chọn một số điểm di sản tiêu biểu để triển khai mô hình số hóa mẫu là hướng đi phù hợp nhằm tạo đột phá ban đầu và tích lũy kinh nghiệm cho quá trình nhân rộng. Những địa điểm có giá trị nổi bật như Thành Nhà Hồ, Lam Kinh, đền Bà Triệu, đền Lê Hoàn, Hang Con Moong cùng một số không gian lễ hội tiêu biểu có thể được ưu tiên triển khai các hình thức thuyết minh số, bản đồ số, tư liệu hình ảnh ba chiều, tham quan ảo và nội dung giới thiệu đa ngôn ngữ. Cách tổ chức theo các cụm ưu tiên sẽ giúp địa phương rút ngắn thời gian thử nghiệm, tránh dàn trải nguồn lực và từng bước hình thành những mô hình thực hành có khả năng lan tỏa trong toàn tỉnh.

**Thứ ba,** Đổi mới phương thức diễn giải di sản theo hướng lấy người tiếp nhận làm trung tâm là yêu cầu có tính cấp thiết trong bối cảnh trải nghiệm du lịch ngày càng được quyết định bởi chất lượng thông tin và khả năng tương tác. Nội dung số không nên chỉ dừng ở việc cung cấp những thông tin mô tả cơ bản về di tích, mà cần hướng tới việc tái hiện câu chuyện lịch sử, lý giải bối cảnh hình thành, làm nổi bật giá trị văn hóa đặc sắc và khơi gợi sự gắn kết cảm xúc giữa công chúng với không gian di sản. Khi nội dung diễn giải được thiết kế

phù hợp với từng đối tượng tiếp nhận, di sản sẽ được chuyển tải theo cách vừa bảo đảm chiều sâu học thuật, vừa tăng khả năng phổ biến rộng rãi trong đời sống xã hội.

**Thứ tư,** Phát triển sản phẩm du lịch văn hóa số gắn với các tuyến điểm và cụm không gian di sản là giải pháp quan trọng để chuyển hóa giá trị văn hóa thành giá trị phát triển. Trên cơ sở hệ thống tài nguyên hiện có, Thanh Hóa có thể tổ chức các hành trình theo chủ đề như hành trình qua các trung tâm quyền lực lịch sử, hành trình khảo cổ và văn hóa Đông Sơn, hành trình lễ hội và tín ngưỡng dân gian, hoặc hành trình văn hóa cộng đồng miền núi. Mỗi hành trình cần được hỗ trợ bằng hệ thống thông tin số trước chuyến đi, trải nghiệm số tại điểm đến và khả năng lưu giữ ký ức số sau chuyến đi. Khi di sản được đặt trong cấu trúc sản phẩm có tính kể chuyện, có tính liên kết và có khả năng tiếp cận qua nền tảng số, giá trị của di sản sẽ được phát huy một cách rõ nét hơn trong không gian du lịch đương đại.

**Thứ năm,** Tăng cường cơ chế phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở nghiên cứu, doanh nghiệp du lịch, doanh nghiệp công nghệ và cộng đồng nắm giữ di sản là điều kiện cần thiết để bảo đảm tính bền vững của quá trình số hóa. Cơ quan quản lý nhà nước cần giữ vai trò định hướng, thiết lập chuẩn dữ liệu, kiểm soát độ tin cậy của thông tin và bảo đảm các nguyên tắc bảo tồn. Các cơ sở nghiên cứu cần tham gia thẩm định nội dung, cung cấp luận cứ khoa học và hỗ trợ chuẩn hóa tri thức về di sản. Doanh nghiệp công nghệ và doanh nghiệp du lịch cần đóng vai trò quan trọng trong quá trình chuyển hóa dữ liệu thành sản phẩm, dịch vụ và trải nghiệm có khả năng tiếp cận thị trường. Cộng đồng địa phương cần được xác định là chủ thể đồng hành trong toàn bộ tiến trình này, vừa tham gia bảo vệ giá trị gốc, vừa góp phần duy trì sức sống xã hội của di sản trong đời sống đương đại.

**Thứ sáu,** Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho quản trị di sản trong môi trường số là giải pháp mang tính quyết định đối với hiệu quả triển khai. Đội ngũ cán bộ quản lý văn hóa, thuyết minh viên, cán bộ bảo tồn và cộng đồng tham gia hoạt động du lịch cần được bồi dưỡng về kỹ năng dữ liệu, kỹ năng truyền thông số, kỹ năng xây dựng nội dung và kỹ năng phối hợp liên ngành. Trong trường hợp thiếu đội ngũ có đủ năng lực chuyên môn và năng lực số, các hoạt động chuyển đổi số rất dễ dừng lại ở cấp độ hình thức, thiếu chiều sâu và khó tạo ra tác động bền vững.

**Thứ bảy,** Bảo đảm nguyên tắc tôn trọng tính xác thực của di sản và quyền văn hóa của cộng đồng cần được xác lập như một yêu cầu xuyên suốt trong toàn bộ quá trình số hóa. Mọi hoạt động phục dựng, trình diễn, số hóa và khai thác thương mại đều phải được đặt trên cơ sở tôn trọng ngữ cảnh văn hóa gốc, tránh giản lược di sản thành công cụ phục vụ giải trí đơn thuần hoặc làm suy giảm chiều sâu giá trị lịch sử và bản sắc văn hóa. Khi nguyên tắc này được bảo đảm, quá trình số hóa sẽ không làm biến đổi bản chất của di sản, mà trở thành phương tiện hỗ trợ hữu hiệu cho việc bảo vệ và lan tỏa giá trị văn hóa trong bối cảnh mới.

## **5. Thảo luận**

Kết quả nghiên cứu cho thấy Thanh Hóa đang đứng trước cơ hội quan trọng để tái cấu trúc phương thức bảo vệ và phát huy giá trị di sản trong môi trường số. Quy mô tài nguyên di sản lớn, nền kinh tế dịch vụ tiếp tục mở rộng và khung chính sách về chuyển đổi số ngày càng rõ nét đã tạo ra những điều kiện thuận lợi cho bước chuyển đổi này. Tuy nhiên, những điều kiện thuận lợi đó không đồng nghĩa với việc hiệu quả sẽ tự động hình thành nếu dữ liệu di sản vẫn tồn tại trong tình trạng phân tán, thiếu liên thông và chưa được tổ chức như một

nguồn lực quản trị thống nhất. Vấn đề cốt lõi của Thanh Hóa hiện nay không còn nằm ở nhận thức về sự cần thiết của chuyển đổi số, mà nằm ở năng lực biến định hướng chính sách thành hệ thống dữ liệu, nội dung và sản phẩm có khả năng vận hành thực chất trong đời sống văn hóa và du lịch.

Thực tiễn của Thanh Hóa cho thấy địa phương đã sở hữu nền tảng tài nguyên văn hóa rất mạnh, nhưng phần giá trị gia tăng do số hóa mang lại vẫn chưa tương xứng với tiềm năng sẵn có. Khoảng cách này phản ánh một vấn đề phổ biến ở nhiều địa phương giàu di sản, đó là tài nguyên văn hóa có thể rất phong phú nhưng mô hình quản trị dữ liệu, mô hình kể chuyện di sản và mô hình thiết kế sản phẩm du lịch lại chưa được xây dựng một cách đồng bộ. Khi số hóa mới dừng ở khâu tư liệu hóa hoặc giới thiệu thông tin, giá trị tạo thêm cho di sản và cho du lịch vẫn còn hạn chế. Quá trình chuyển đổi số vì vậy chỉ thực sự có ý nghĩa khi vừa nâng cao hiệu quả bảo tồn, vừa mở rộng khả năng tiếp cận của công chúng, đồng thời nâng cao chất lượng trải nghiệm đối với khách tham quan và du khách.

Ý nghĩa sâu xa của chuyển đổi số đối với Thanh Hóa không nằm ở sự thay đổi bề mặt truyền thông, mà nằm ở khả năng tổ chức lại tri thức về di sản trên quy mô toàn tỉnh. Khi dữ liệu di sản được chuẩn hóa, kết nối và tích hợp với hệ thống du lịch, giáo dục và truyền thông, địa phương có thể hình thành những chuỗi trải nghiệm vừa hấp dẫn đối với du khách, vừa có giá trị đối với nghiên cứu, giáo dục và truyền thông cộng đồng. Hướng tiếp cận này đặc biệt phù hợp với Thanh Hóa, nơi di sản không chỉ tồn tại ở từng điểm đến đơn lẻ mà còn hiện diện trong toàn bộ chiều sâu lịch sử và chiều rộng không gian văn hóa. Từ góc độ đó, chuyển đổi số cần được nhìn nhận như một phương thức tổ chức lại hệ tri thức di sản, qua đó làm cho các giá trị văn hóa truyền thống được tiếp cận, diễn giải và phát huy theo những hình thức phù hợp hơn với bối cảnh xã hội đương đại.

Một vấn đề có ý nghĩa phương pháp luận cũng cần được nhấn mạnh là số hóa di sản không thể được hiểu như quá trình thay thế di sản bằng công nghệ. Công nghệ chỉ có giá trị khi nó phục vụ cho việc nhận diện chính xác hơn, bảo tồn tốt hơn và truyền tải sâu sắc hơn những giá trị lịch sử, văn hóa và xã hội của di sản. Trọng tâm của chuyển đổi số vì vậy phải là nội dung văn hóa, là chất lượng diễn giải và là cấu trúc trải nghiệm mà công chúng tiếp nhận được từ di sản. Thanh Hóa nếu muốn phát huy hiệu quả nguồn lực di sản trong phát triển du lịch cần đặt trọng tâm vào việc hình thành mô hình quản trị dữ liệu gắn trực tiếp với việc thiết kế sản phẩm, tổ chức không gian trải nghiệm và định vị bản sắc điểm đến. Đó mới là con đường giúp quá trình số hóa vượt ra khỏi tính chất kỹ thuật để trở thành động lực thực sự của phát triển.

## **6. Kết luận**

Di sản văn hóa Thanh Hóa là nguồn lực đặc biệt quan trọng đối với phát triển văn hóa và du lịch của địa phương. Quy mô lớn của hệ thống di tích và di sản văn hóa phi vật thể, cùng với bối cảnh chính sách ngày càng rõ ràng về chuyển đổi số, đã tạo ra tiền đề thuận lợi để tính đổi mới mô hình bảo vệ và phát huy giá trị di sản trong giai đoạn hiện nay. Những chuyển biến của kinh tế dịch vụ trong thời gian gần đây cũng cho thấy Thanh Hóa có cơ sở thực tiễn để đẩy mạnh hơn nữa việc gắn phát triển du lịch văn hóa với ứng dụng công nghệ số, qua đó mở rộng không gian tiếp cận, nâng cao hiệu quả quảng bá và gia tăng sức hấp dẫn của điểm đến.

Thực trạng hiện nay cho thấy quá trình số hóa di sản ở Thanh Hóa đã bước đầu hình thành nền móng, nhưng vẫn chưa xây dựng được đầy đủ một hệ sinh thái dữ liệu, nội dung và

sản phẩm số đồng bộ. Điểm nghẽn lớn nhất vẫn nằm ở tình trạng phân tán dữ liệu, ở chất lượng diễn giải số chưa cao và ở khả năng liên kết giữa di sản với chuỗi giá trị du lịch còn hạn chế. Những hạn chế này cho thấy hướng phát triển phù hợp đối với Thanh Hóa không phải là tiếp tục số hóa theo lối đơn lẻ, mà cần chuyển sang tư duy quản trị di sản số tích hợp, trong đó bảo tồn tính xác thực là nền tảng, cộng đồng là chủ thể và trải nghiệm của du khách là một trong những đầu ra quan trọng của quá trình phát huy giá trị.

Hiệu quả của định hướng đó phụ thuộc trước hết vào khả năng xây dựng dữ liệu chuẩn hóa, hình thành cơ chế phối hợp thực chất giữa các chủ thể liên quan và phát triển đội ngũ nhân lực có đủ năng lực số. Khi những điều kiện nền tảng này được củng cố, di sản văn hóa Thanh Hóa sẽ có cơ hội chuyển từ vị thế là nguồn tài nguyên tiềm năng sang vị thế là nguồn lực phát triển có khả năng tạo ra giá trị bền vững cho văn hóa, giáo dục và du lịch. Ý nghĩa của quá trình này không chỉ nằm ở việc bảo vệ tốt hơn các giá trị của quá khứ, mà còn ở khả năng làm cho di sản tiếp tục hiện diện sinh động trong đời sống đương đại, góp phần định hình bản sắc địa phương và nâng cao năng lực cạnh tranh của du lịch Thanh Hóa trong kỷ nguyên số.

### **Tài liệu tham khảo**

- [1]. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2023), *Quyết định số 3928/QĐ-BVHTTDL: Ban hành Kế hoạch chuyển đổi số của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2024*.
- [2]. Chính phủ (2024), *Nghị định số 39/2024/NĐ-CP quy định biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia*.
- [3]. Cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa (2025), *Niên giám thống kê tỉnh Thanh Hóa 2024*.
- [4]. Liu, Y. (2020), Evaluating visitor experience of digital interpretation and presentation technologies at cultural heritage sites: A case study of the old town, Zuoying. *Built Heritage*, 4, Article 14. <https://doi.org/10.1186/s43238-020-00016-4>
- [5]. Maietti, F. (2023), Heritage enhancement through digital tools for sustainable fruition: A conceptual framework, *Sustainability*, 15 (15), Article 11799, <https://doi.org/10.3390/su151511799>
- [6]. Mendoza, M. A. D., De La Hoz Franco, E., & Gómez, J. E. G. (2023), Technologies for the preservation of cultural heritage: A systematic review of the literature. *Sustainability*, 15(2), Article 1059. <https://doi.org/10.3390/su15021059>
- [7]. Pinto, I., & Huertas, A. (2025). A comparative study of VR and AR heritage applications on visitor emotional experiences: A case study from a peripheral Spanish destination, *Virtual Reality*, 29, Article 36. <https://doi.org/10.1007/s10055-025-01109-0>
- [8]. Shafiee Roodposhti, M., & Esmaeelbeigi, F. (2024), Viewpoints on AR and VR in heritage tourism. *Digital Applications in Archaeology and Cultural Heritage*, 33, e00333, <https://doi.org/10.1016/j.daach.2024.e00333>
- [9]. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa (2024), *Thanh Hóa: Bảo tồn và phát triển giá trị văn hóa trong xây dựng nông thôn mới*.
- [10]. Thủ tướng Chính phủ (2021), *Quyết định số 2026/QĐ-TTg: Phê duyệt Chương trình số hóa Di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021-2030*.

[11]. Tom Dieck, M. C., & Jung, T. H. (2017), Value of augmented reality at cultural heritage sites: A stakeholder approach. *Journal of Destination Marketing & Management*, 6 (2), 110-117, <https://doi.org/10.1016/j.jdmm.2017.03.002>

[12]. Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa (2002a), *Địa chí Thanh Hóa* (Vol. 1), Nxb Văn hóa Thông tin.

[13]. Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa (2002b), *Địa chí Thanh Hóa* (Vol. 2), Nxb Văn hóa Thông tin.

[14]. Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa (2022), *Quyết định số 176/QĐ-UBND: Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.*

[15]. Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa (2023), *Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.*

## DI SẢN VĂN HÓA THANH HÓA TRONG KỶ NGUYÊN SỐ: BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH

### Vũ Văn Tuyền

Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Email: vuvantuyen@dvttdt.edu.vn

Ngày nhận bài: 12/03/2026  
Ngày phản biện: 14/03/2026  
Ngày tác giả sửa: 19/03/2026  
Ngày duyệt đăng: 08/04/2026  
Ngày phát hành: 15/04/2026

*Di sản văn hóa là thành tố cốt lõi tạo nên bản sắc địa phương, đồng thời là nguồn lực nội sinh quan trọng đối với phát triển du lịch bền vững. Thanh Hóa là vùng đất có bề dày lịch sử, sở hữu hệ thống di sản văn hóa vật thể và phi vật thể phong phú, phân bố rộng khắp và gắn bó chặt chẽ với tiến trình hình thành, phát triển của xứ Thanh. Trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, yêu cầu đặt ra không chỉ dừng lại ở việc bảo vệ di sản theo nghĩa lưu giữ, mà còn cần tổ chức lại hoạt động nhận diện, tư liệu hóa, số hóa, diễn giải và kết nối di sản với hệ sinh thái du lịch hiện đại. Nghiên cứu tập trung phân tích thực trạng di sản văn hóa Thanh Hóa trong mối quan hệ với chuyển đổi số và phát triển du lịch, qua đó làm rõ những kết quả đạt được, những hạn chế chủ yếu và nguyên nhân của các hạn chế này. Trên cơ sở tiếp cận liên ngành giữa văn hóa học, quản lý văn hóa và du lịch học, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp trọng tâm nhằm hoàn thiện cơ sở dữ liệu di sản, nâng cao chất lượng diễn giải số, phát triển sản phẩm du lịch văn hóa số và tăng cường cơ chế phối hợp giữa nhà nước, doanh nghiệp, nhà khoa học và cộng đồng. Kết quả nghiên cứu cho thấy hiệu quả của chuyển đổi số trong lĩnh vực di sản phụ thuộc trực tiếp vào mức độ gắn kết giữa bảo tồn tính xác thực, năng lực quản trị dữ liệu và khả năng chuyển hóa giá trị văn hóa thành trải nghiệm du lịch có chiều sâu.*

**Từ khóa:** Di sản văn hóa; Chuyển đổi số; Bảo tồn di sản; Phát huy giá trị; Du lịch văn hóa.